

Bản án số: **45/2017/HSST**
Ngày 10/7/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Danh.
2. Ông Trương Minh Châu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

Đại diện VKSND huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2017/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2017, đối với:

- Các bị cáo:

1/ Đỗ Xuân B, sinh năm 1992. HKTT: Thôn C, xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa (chỗ ở hiện nay: không nơi cư trú nhất định); Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Đỗ Xuân H (đã chết) và bà Trần Thị K; Vợ Dương Thị Thúy A và có 01 người con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/3/2017. (có mặt)

2/ Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1989. HKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Nam (chỗ ở hiện nay: không nơi cư trú nhất định); Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Nguyễn Tấn H và bà Võ Thị Q; Vợ Ka Tư Thị M và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/3/2017. (có mặt)

- Bị hại: Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1983. Địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ **Võ Văn H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 16, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

+ **Đỗ Xuân N**, sinh năm 1987. Địa chỉ: khu phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

+ **Dương Thị Thúy A**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Đỗ Xuân B và Nguyễn Tấn Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền truy tố về hành vi phạm tội như sau: Đỗ Xuân B và Nguyễn Tấn Q trước đây làm thuê tại tiệm tạp hóa “Huyền T” thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện Đ do chị Võ Thị Ngọc T làm chủ. Đến cuối năm 2015 Q nghỉ và cuối năm 2016 B nghỉ. Sau khi nghỉ việc một thời gian, do không có việc làm nhưng cần tiền tiêu xài, B đã rủ Q đến tiệm tạp hóa của chị T lấy trộm tài sản (thuốc lá điếu), Q đồng ý. Để thực hiện ý định trên, B và Q đến chợ L mua một cái khóa hình chữ T dùng vặn đinh ốc của mái tole và 01 sợi dây dù màu xanh dài 5,8m, rồi cả hai hẹn ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vào khoảng 24 giờ ngày 16/3/2017, Q điều khiển xe mô tô biển số 92N1-367.79, B điều khiển xe mô tô biển số 71B1-427.83 đến tiệm tạp hóa Huyền T, cả hai quan sát thấy kho không có ai ngủ lại thì B dùng chìa khóa (do B có chìa khóa phòng nghỉ phía trước của tiệm dành cho những người làm công về khuya ngủ lại) mở cửa phòng rồi cả hai đẩy xe vào trong và ngắt cầu dao điện nhằm vô hiệu hóa camera gắn tại kho hàng. Đến khoảng 1 giờ 30 phút ngày 17/3/2017, B và Q đi vòng ra phía sau, B trèo lên hàng rào cạnh tường rồi trèo lên mái tôn kho hàng, B dùng khóa hình chữ T mở đinh ốc tole để mở tấm tole tạo khoảng trống rồi đột nhập vào bên trong kho hàng, còn Q trèo lên mái tole ngồi trên đó. Khi B vào trong kho hàng dùng điện thoại bật đèn pin rọi sáng lấy 01 thùng thuốc lá hiệu Caraven “A” gồm 50 cây và 01 thùng thuốc lá hiệu Bastos đỏ gồm 50 cây rồi đưa lên cho Q đang ngồi đợi trên mái tole. Sau khi lấy xong tài sản, B trèo lên dùng khóa vặn đinh ốc của mái tole lại như cũ, lúc này Q trèo xuống dưới đất, B dùng sợi dây dù cột 02 thùng thuốc lá chuyền xuống đất cho Q. Sau đó, B và Q phân công nhau, B chở thuốc lá trộm được chạy phía sau, Q chạy xe phía trước quan sát có công an không rồi cả hai cùng đem số thuốc lá trộm được đến bán cho tiệm tạp hóa Kim T thuộc ấp M, xã X, huyện T do anh Võ Văn H làm chủ với số tiền 12.725.000đ. Số tiền bán được Q và B chia đều cho nhau.

Tiếp đến vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 19/3/2017, với cách thức và thủ đoạn như trên, B và Q đột nhập vào kho hàng Huyền T trộm cắp được 01 thùng thuốc Caraven “A” gồm 50 cây thuốc và 01 thùng thuốc Bastos đỏ gồm 50 cây và bán cho anh H được số tiền 12.725.000đ. Vào 1 giờ 30 phút sáng ngày 20/3/2017, khi B và Q đang đột nhập vào kho hàng của chị T nhưng chưa lấy được tài sản gì thì bị phát hiện bắt quả tang.

Qua điều tra, B và Q khai nhận: trong khoảng thời gian từ đầu tháng 3/2017 đến 01 giờ 30 phút sáng ngày 20/3/2017, Q và B đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp thuốc lá điếu tại tiệm tạp hóa Huyền T, bán được tổng cộng là 42 triệu đồng, Q được 21 triệu đồng, B được 21 triệu đồng, nhưng Q và B không

nhớ được cụ thể ngày cũng như số tài sản trộm được từng lần. Đối với bị hại chị Võ Thị Ngọc T không xác định được tài sản bị mất cụ thể vào thời gian nào và số lượng tài sản bị mất, chỉ biết tài sản bị mất là loại thuốc lá điều các loại như Bastos, Caraven “A”, 555 Việt Nam và thông kê sổ sách cuối năm 2016 xác định bị thua lỗ với số tiền 700.000.000 triệu đồng.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, màu bạc đen, biển số 92N1-367.79; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future FI, biển số 71B1- 427.83;

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar màu vàng đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng;

- 01 (một) đoạn dây dù màu xanh dài 5,8m, rộng 01cm;

- 01 đôi dép da màu nâu và 01 đôi dép cao su màu xanh; 01 cái mũ bảo hiểm bên trên có chữ Honda

- Số tiền 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), trong đó thu giữ của Nguyễn Tân Q 11.500.000đ, thu giữ của Đỗ Xuân B 10.500.000đ.

Tất cả vật chứng hiện chuyển giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền quản lý chờ xử lý.

- 50 cây thuốc lá điều hiệu Bastos đỏ được đựng trong 01 thùng caton và 50 cây thuốc lá điều hiệu Craven “A” được đựng trong 01 thùng caton mà anh H mua của Q và B vào ngày 19/3/2017. Hiện trao trả lại cho bị hại chị Võ Thị Ngọc T.

- 01 cái khóa hình chữ T dùng để vặn đinh ốc tole hiện không thu hồi được.

Tại Biên bản định giá và kết luận định giá tài sản ngày 28/3/2017 của Hội đồng định giá UBND huyện Đ kết luận: 50 cây thuốc lá điều hiệu Craven “A” trị giá 8.850.000đ và 50 cây thuốc lá điều hiệu Bastos đỏ trị giá 5.000.000đ. (Tài sản trên do Q và B trộm cắp vào ngày 19/3/2017 và thu hồi được). Tổng giá trị tài sản đã định là 13.850.000đ.

Tại Biên bản định giá và kết luận định giá tài sản ngày 03/5/2017 của Hội đồng định giá UBND huyện Đ kết luận: 50 cây thuốc lá điều hiệu Craven “A” trị giá 8.850.000đ và 50 cây thuốc lá điều hiệu Bastos đỏ trị giá 5.000.000đ. (Tài sản trên do Q và B trộm cắp vào ngày 17/3/2017, hiện không thu hồi được). Tổng giá trị tài sản đã định là 13.850.000đ.

Về phân trách nhiệm dân sự: anh Đỗ Xuân Ng (anh ruột của Đỗ Xuân B) đã thỏa thuận bồi thường cho anh Võ Văn H số tiền 12.725.000đ giá trị của 50 cây thuốc lá điều hiệu Caraven và 50 cây thuốc lá điều hiệu Bastos đỏ mà anh H đã mua của Q và B vào ngày 19/3/2017. Đối với chị Võ Thị Ngọc T yêu cầu Q và B bồi thường số tiền 700.000.000đ mà chị bị thua lỗ trong năm 2016.

Đối với Võ Văn H khi mua thuốc lá điều do Q và B bán nhưng không biết tài sản trên do trộm cắp mà có nên không xử lý.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Đỗ Xuân B còn khai nhận vào khoảng đầu tháng 10/2016, B và Lê Quang Tr sinh năm 1981 là người cùng làm thuê tại tiệm tạp hóa Huyện T với cách thức và thủ đoạn như trên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là loại thuốc lá điều tại tiệm tạp hóa Huyện T 03 lần nhưng không xác định được số lượng và đem bán tại tiệm tạp hóa Kim T với số tiền là khoảng 8.000.000đ. Tuy nhiên qua điều tra, Lê Quang Tr không thừa nhận có thực hiện hành vi trên và anh Võ Văn H chủ tiệm tạp hóa Kim T cũng không nhớ được thời điểm cũng như số lượng thuốc lá điều đã mua nên chưa có đủ cơ sở để xử lý. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

Bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 01/6/2017 của VKSND huyện Đ đã truy tố các bị cáo Đỗ Xuân B và Nguyễn Tấn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt. Đồng ý bồi thường cho bị hại tổng cộng 52.000.000đ, sau khi đã trừ các khoản đã trả cho bị hại và số tiền tạm giữ còn lại 11.150.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 5.575.000đ.

Bị hại đồng ý với việc tự nguyện bồi thường của các bị cáo.

Người liên quan Nguyên: các khoản tiền bồi thường cho bị hại là do hai gia đình tự nguyện bồi thường giúp các bị cáo khắc phục hậu quả và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không có yêu cầu gì thêm.

Chị Dương Thị Thúy A (vợ bị cáo B) xác định chiếc xe tạm giữ của bị cáo B là tài sản chung của vợ chồng chị với bị cáo B nên xin được nhận lại chiếc xe này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, 53 và Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Đỗ Xuân B từ 02 đến 03 năm tù; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, 53 và Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Q từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; Đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo cho bị hại.

Lời nói sau cùng:

- Bị cáo B: thời gian tạm giam rất hối hận về hành vi của mình nên xin giảm nhẹ để sớm về nhà làm việc nuôi vợ con còn nhỏ và trở thành người có ích cho xã hội.

- Bị cáo Q: rất hối hận và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được về làm việc nuôi vợ con.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Xuân B và Nguyễn Tấn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định, vào khoảng đầu tháng 3/2017 do có ý định trộm cắp tài sản trong kho hàng Huyện T tại khu phố A, thị trấn L do chị Võ Thị Ngọc T làm chủ để bán lấy tiền tiêu xài nên B đã rủ, bàn bạc thống nhất với Q lên kế hoạch chuẩn bị công cụ, phương tiện và phân công Q thăm dò kho hàng Huyện T xem nếu có tài sản thì thực hiện việc trộm cắp tài sản. Với kế hoạch trên và biết trong kho hàng Huyện T có tài sản nên khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/3/2017 B và Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị T 50 cây thóc lá điều hiệu Caraven “A” và 50 cây thuốc lá điều Bastos đơ trị giá 13.850.000đ và khoảng 01 giờ 30 phút ngày 19/3/2017 chiếm đoạt của chị T 50 cây thóc lá điều hiệu Caraven “A” và 50 cây thuốc lá điều Bastos đơ trị giá 13.850.000đ. Do đó, đủ căn cứ kết luận các bị cáo Đỗ Xuân B và Nguyễn Tấn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 và Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành Bộ luật hình sự 2015. Theo đó, tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 có mức hình phạt cao nhất là 20 năm tù, nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 có mức hình phạt chung thân, do đó áp dụng Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Các bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động và để có tiền tiêu xài mà lợi dụng quản lý tài sản lỏng lẻo của bị hại để chiếm đoạt. Các bị cáo phạm tội có tính chất tổ chức, cùng bàn bạc kế hoạch và cùng là người thực hành nên phải chịu mức hình phạt như nhau; các bị cáo phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự nên cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 như điểm b (gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường); điểm o (tự thú do khai báo ra lần trộm cắp trước đó); điểm p (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải); điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 (Cha bị cáo B có công với cách mạng); khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 (tài sản đã được thu hồi giao trả cho bị hại, bị cáo Q là bộ đội xuất ngũ chưa có công ăn việc làm ổn định) nên xem xét áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự 1999 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho

các bị cáo.

Về vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, màu bạc đen, biển số 92N1-367.79 thu giữ của bị cáo Q là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future FI, biển số 71B1- 427.83 của vợ chồng bị cáo B là phương tiện phạm tội, nhưng chị Dương Thị Thúy A (vợ bị cáo B) có đơn xin được nhận lại chiếc xe nên xem xét giao trả cho bị cáo B và chị Ân;

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar màu vàng đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng không liên quan đến việc phạm tội nên giao trả cho các bị cáo;

- 01 (một) đoạn dây dù màu xanh dài 5,8m, rộng 01cm; 01 đôi dép da màu nâu và 01 đôi dép cao su màu xanh; 01 cái mũ bảo hiểm bên trên có chữ Honda là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), trong đó thu giữ của Nguyễn Tấn Q 11.500.000đ, thu giữ của Đỗ Xuân B 10.500.000đ là số tiền các bị cáo bán tài sản trộm cắp nên giao trả cho bị hại Võ Thị Ngọc T.

- Đối với 50 cây thuốc lá điều hiệu Bastos đỏ và 50 cây thuốc lá điều hiệu Craven “A” thu giữ của anh H, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị hại chị Võ Thị Ngọc T là đúng quy định.

- 01 cái khóa hình chữ T dùng để vặn đinh ốc tole hiện không thu hồi được nên không xét đến.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị Ngọc T yêu cầu các bị cáo bồi thường 700.000.000đ. Xét thấy, chị T khai cuối năm 2016 thống kê sổ sách lại bị thua lỗ 700.000.000đ, nhưng thời gian các bị cáo có hành vi trộm cắp là trong tháng 3/2017 nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị hại. Tuy nhiên, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo 52.000.000đ. Sau khi đã trừ số tài sản đã giao trả cho chị T trị giá 13.850.000đ, số tiền tạm giữ 22.000.000đ số tiền gia đình các bị cáo bồi thường cho chị Thảo 5.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường 11.150.000đ, mỗi bị cáo là 5.575.000đ.

Về án phí: Các bị cáo B, Q mỗi người phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST và tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 5.575.000đ là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Xuân B và Nguyễn Tấn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 173; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, 53 và Điều 33 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Đỗ Xuân B 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (20/3/2017).

- Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, 53 và Điều 33 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Nguyễn Tấn Q 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (20/3/2017).

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, màu bạc đen, biển số 92N1-367.79.

- Giao trả cho bị cáo Q 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar và giao trả cho bị cáo B 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5.

- Giao trả cho bị cáo Đỗ Xuân B và chị Dương Thị Thúy A 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future FI, biển số 71B1- 427.83;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn dây dù màu xanh dài 5,8m, rộng 01cm; 01 đôi dép da màu nâu và 01 đôi dép cao su màu xanh; 01 cái mũ bảo hiểm bên trên có chữ Honda.

- Giao trả cho chị Võ Thị Ngọc T số tiền 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) và 5.000.000đ (do gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường).

(Các vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 33/BB-THS, ngày 01/6/2017 và Biên lai thu tiền số 0006646 ngày 01/6/2017 và số 0006662 ngày 04/7/2017).

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo B và bị cáo Q cho chị T mỗi bị cáo 5.575.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả hết nợ.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự 1999 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Đỗ Xuân B và Nguyễn Tấn Q mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST và 300.000đ tiền án phí DSST.

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Đ;
- Công an H. Đ;
- Thi hành án DS H. Đ;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Trí Thức